

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-PT
Ngày 02 - 4 - 2021
V/v Ly hôn, con chung giữa Chị
H và anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiêm

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2021/TLPT-HNGĐ ngày 25-01-2021 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 54/2020/HNGĐ-ST ngày 29-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị H, sinh năm 1985; Địa chỉ: Xóm L, thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh N;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị H có mặt, anh T vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 08-10-2020, bản tự khai ngày 22-10-2020 và tại các buổi làm việc tại Tòa án nguyên đơn Chị Đinh Thị H trình bày:

Chị Đinh Thị H kết hôn với Anh Nguyễn Văn T trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y ngày 12-01-2014. Trước

đây Chị H và anh T đều đã có vợ có chồng. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 05 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Vợ chồng chị sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có một con chung là cháu Nguyễn Phương A sinh ngày 19-03-2015. Sau khi sinh con được 01 năm thì anh T đã không còn quan tâm gì đến con chung mà bỏ về sinh sống tại nhà riêng của anh T ở xã Y còn một mình chị nuôi con ở nhà tại xã Y. Khi ly hôn nguyện vọng của Chị H xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P vì chị đã và đang nuôi cháu từ nhỏ, hiện nay chị có công việc ổn định có cửa hàng thuốc tân dược thu nhập ổn định khoảng 8 đến 9 triệu một tháng nên chị có đủ khả năng kinh tế để lo cho cháu ăn học. Chị yêu cầu Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phương A mỗi tháng một triệu năm trăm ngàn đồng cho đến khi cháu có thể lao động tự lập được.

Về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết mà đề nghị Toà án ghi nhận sự thoả thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng đã lập tại biên bản ngày 01-10-2020. Cụ thể vợ chồng chị thoả thuận phân chia tài sản chung như sau: Chị H được quyền sở hữu sử dụng 01 ngôi nhà trên thổ đất 190 m² thửa đất số 68 tờ bản đồ số 25 tại xóm L, L, xã Y, huyện Y, tỉnh N đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 06-02-2015 và được quản lý sử dụng 01 mảnh đất thuê 29 năm có diện tích 154m² (thuê lại của ông Dương Văn N) tại địa chỉ thôn N, xã Y, huyện Y, tỉnh N. Chị H có trách nhiệm thanh toán trả cho Anh Nguyễn Văn T số tiền 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng) thanh toán trả làm 2 đợt: đợt 1 Chị H có trách nhiệm thanh toán trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) vào ngày 18-02-2021 và đợt 2 Chị H có trách nhiệm thanh toán trả cho anh T số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) vào ngày 18-5-2021. Nếu hết thời hạn đã thoả thuận mà Chị H không trả thì thoả thuận trên vô hiệu. Anh T có trách nhiệm tạo điều kiện cho Chị H chuyển nhượng cho người khác nếu có nhu cầu.

* Tại bản tự khai ngày 22-10-2020 và tại các buổi làm việc tại Tòa án, bị đơn Anh Nguyễn Văn T trình bày: Về thời gian cũng như điều kiện kết hôn anh đồng ý với lời trình bày của Chị Đinh Thị H. Về tình cảm anh xác định trong quá trình chung sống anh và Chị Đinh Thị H sống hoà thuận hạnh phúc đến tháng 11 năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm nên hay xảy ra va chạm, cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ tháng 11 năm 2017 đến nay. Nay Chị Đinh Thị H có đơn ly hôn, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, Chị H hiện nay có quan hệ ngoại

tình với người khác nên tình cảm vợ chồng giữa anh và Chị Đinh Thị H không còn do đó anh đồng ý ly hôn với Chị Đinh Thị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng có sinh được 01 con chung là cháu Nguyễn Phương A sinh ngày 19-03-2015 hiện nay cháu đang ở cùng Chị H nuôi dưỡng tại xã Y. Quan điểm của anh xin nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương A vì anh hiện nay có lương hưu có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con đồng thời anh yêu cầu Chị Đinh Thị H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật cho đến khi cháu có thể lao động tự lập được.

Về tài sản chung: Anh nhất trí như lời khai của Chị H và đề nghị Toà án ghi nhận sự thoả thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng anh đã lập tại biên bản ngày 01-10-2020.

Tại bản án số 54/2020/HNGĐ-ST ngày 29-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định quyết định. Căn cứ vào các Điều 33, 38, 51, 55, 59, 81, 82, 83, 107, 110, 116. 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Đinh Thị H và Anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 19-03-2015 cho Chị Đinh Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phương A mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi cháu Nguyễn Phương A trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng giữa Chị Đinh Thị H và Anh Nguyễn Văn T đã lập tại biên bản ngày 01-10-2020 với nội dung cụ thể như sau:

Chị Đinh Thị H được quyền sở hữu sử dụng 01 ngôi nhà trên thổ đất 190 m² có sổ thửa 68 tờ bản đồ số 25 tại xóm L, L, xã Y, huyện Y, tỉnh N đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 06-02-2015 và được quản lý sử dụng 01 mảnh đất thuê 29 năm có diện tích 154m² (thuê lại của ông Dương Văn N) tại địa chỉ thôn N, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

Chị Đinh Thị H có trách nhiệm thanh toán trả cho Anh Nguyễn Văn T số tiền 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng) thanh toán trả làm hai đợt: đợt 1

Chị H có trách nhiệm thanh toán trả cho Anh Nguyễn Văn T số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) vào ngày 18-02-2021 và đợt 2 Chị H có trách nhiệm thanh toán trả cho Anh Nguyễn Văn T số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) vào ngày 18-5-2021. Nếu hết thời hạn đã thoả thuận mà Chị H không trả thì thoả thuận trên vô hiệu.

Anh T có trách nhiệm tạo điều kiện cho Chị H chuyển nhượng cho người khác nếu có nhu cầu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án của các đương sự.

Ngày 08-01-2021 Anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao cháu Nguyễn Phương A cho anh nuôi dưỡng vì anh hoàn toàn đủ điều kiện, thời gian, đạo đức, nhân phẩm, nếu được nuôi con chung anh yêu cầu Chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh theo quy định của pháp luật. Do anh là người cao tuổi, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định miễn cho anh toàn bộ án phí theo quy định.

Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về quan hệ tình cảm, về con chung Chị H đang làm nghề bán thuốc, có nhà cho thuê nên có đủ điều kiện chăm sóc con chung, hơn nữa con chung lại là con gái, chỉ đề nghị giữ nguyên như án sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn T đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung của vụ án: Hiện nay Chị H có nghề nghiệp và mức thu nhập ổn định đảm bảo đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Cháu Nguyễn Phương A là con gái đang trong độ tuổi phát triển lại đang do Chị H nuôi dưỡng từ nhỏ Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung cho Chị H nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí sơ thẩm. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của anh T, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa án sơ thẩm. Án phí giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của Anh Nguyễn Văn T làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ Khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[3] Xét kháng cáo của Anh Nguyễn Văn T về con chung thì thấy: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 19-03-2015. Tại đơn kháng cáo anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con chung cho anh theo quy định của pháp luật, Chị H cũng có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng một triệu năm trăm ngàn đồng. Xét thấy, chị H và anh T đều có chỗ ở ổn định, Chị H có nghề nghiệp thu nhập ổn định, anh T được hưởng lương hưu hàng tháng, Chị H có đủ điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. cháu P còn nhỏ mới được hơn 6 tuổi, đang do Chị H nuôi dưỡng, chăm sóc từ nhỏ, cháu lại là con gái đang trong độ tuổi phát triển tâm sinh lý nên rất cần có sự dạy bảo, chăm sóc của người mẹ để cháu phát triển bình thường là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật, bản thân anh T lại là người cao tuổi, có sức khỏe yếu, có nhân thân không tốt năm 2013 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt về hành vi đánh bạc. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh T ít quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu P cho Chị H nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế. Chị H có yêu cầu Anh Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phương A mỗi tháng một triệu năm trăm ngàn đồng là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với mức thu nhập lương hưu hàng tháng của anh T. Do đó cần buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu P mỗi tháng 1.500.000 (một triệu, năm trăm nghìn đồng) kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu P trưởng thành, tự lập là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh T về việc nuôi dưỡng con chung.

[4] Xét kháng cáo của Anh Nguyễn Văn T về án phí thì thấy: Hiện nay anh T là người cao tuổi, sau khi xét xử sơ thẩm anh T đã có đơn xin miễn án phí. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì anh T không phải nộp án phí nên có căn cứ để sửa phần án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh T được chấp nhận một phần nên anh T phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 147; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 33, 38, 51, 55, 59, 81, 82, 83, 107, 110, 116. 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của Anh Nguyễn Văn T. Sửa một phần án sơ thẩm về án phí.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 54/2020/HNGĐ-ST ngày 29-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định về quan hệ hôn nhân; Ghi nhận sự tự nguyện phân chia tài sản chung.

3. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 19-03-2015 cho Chị Đinh Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phương A mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi cháu Nguyễn Phương A trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

- Chị Đinh Thị H phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), đối trừ với số tiền Chị H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001538, ngày 08-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, Chị Đinh Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Anh Nguyễn Văn T.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn T không phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Ý Yên;
- Chi cục THADS huyện Ý Yên;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Trần Văn Kiểm

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Mai Hương

Lại Văn Tùng

Trần Văn Kiểm